

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 161/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2021

V/v: Ly hôn giữa chị O và anh C

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị O, sinh năm 1986; địa chỉ: Bản S, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 12, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị O vắng mặt có lý do; anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02-4-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị O và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 22-10-2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Chị O và anh C đến với nhau khi trước đó anh C chị O đều đã có gia đình riêng nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh C tại xóm 12, xã V được khoảng 2 tháng thì cùng nhau sang Campuchia làm ăn. Trong thời gian làm ăn tại Campuchia thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống và về kinh tế khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Ở Campuchia được khoảng 2 tháng thì chị O trở về Sơn La trước, anh C về sau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị O không có thai nghén nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Văn C nhận: Thông báo thụ lý vụ án số 115/TB-TLVA ngày 02 tháng 6 năm 2021, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị O, bản sao các tài liệu, chứng cứ mà chị O đã nộp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Như vậy, anh C đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay, anh C vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị O xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn C là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Đinh Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị O, anh C là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị O và anh Trần Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 22-10-2019. Sau khi kết hôn chị O và anh C chung sống cùng nhà

với bố mẹ anh C được khoảng hai tháng thì cùng nhau đi làm kinh tế tại Campuchia. Trong thời gian vợ chồng chung sống tại Campuchia thì có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, quan điểm về làm ăn kinh tế nên thường xảy ra tranh cãi trong cuộc sống hàng ngày. Ở Campuchia được khoảng 2 tháng thì chị O trở về Sơn La trước, anh C về sau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 6-2020 cho đến nay. Chị O xác định tình cảm với anh C không còn nên làm đơn xin được ly hôn anh C. Quá trình giải quyết vụ án, anh C đã biết việc chị O xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ bản thân anh C cũng không còn nguyện vọng chung sống với chị O.

Xét mâu thuẫn giữa chị O và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm nay và không còn quan tâm, yêu thương nhau nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị O đối với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị O xác nhận vợ chồng không có con chung, hiện chị O không có thai nghén nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản*: Chị O xác nhận chị và anh C không có tài sản chung, không vay nợ ai, chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đinh Thị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị O và anh Trần Văn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002645 ngày 02-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị O đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Lưu Văn Đê

Phạm Thúy Nga